

AUST L No.169885  
Visa No. VN- 11750-11



## BONLUTIN

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Đề xa tầm tay trẻ em**

**Thành phần:** Mỗi viên nang mềm có chứa:

Fish oil –natural (T.d. Eicosapentaenoic acid 90mg và Docosahexaenoic acid 60mg)	500mg
Glucosamine sulfate-potassium chloride complex (T.d. Glucosamine Sulfate 375mg, T.d. Glucosamine 295mg, T.d. Potassium chloride 125mg)	500mg
Chondroitin sulfate –shark (T.d. Chondroitin sulfate 10mg)	11.1mg

Tá dược vừa đủ 1 viên nang mềm (soft capsule)  
(D-alpha-tocopherol, lecithin, soya oil, beeswax – yellow, vegetable oil – hydrogenated, gelatin, glycerol, water – purified, Titanium dioxide, polysorbate 80, silica-colloidal anhydrous, cochineal CI75470, Iron oxide red CI77491)

**Các đặc tính dược lực học:**

Glucosamine được hấp thu từ ruột non. Sinh khả dụng của glucosamine sulphate qua đường uống là 26%, glucosamine được chuyển hóa phần lớn lần đầu qua gan. Glucosamine được thải trừ chủ yếu qua nước tiểu, và một lượng nhỏ được thải trừ qua phân.  
Chondroitin sulphate là một khối các phân tử proteoglycan trong các mô sụn. Chondroitin sulphate được thấy là có ảnh hưởng tới việc hình thành sụn mới nhờ kích thích sự chuyển hóa các tế bào sụn và tổng hợp collagen proteoglycan.  
Phản ứng viêm liên quan đến quá trình tổng hợp và phóng thích prostaglandins và leukotrienes. Axit béo omega-3 có tác dụng chống viêm nhờ khả năng ức chế tổng hợp chất gây viêm (ức chế việc tổng hợp leukotriene).

**Các đặc tính dược động học:**

Glucosamine được hấp thu từ ruột non. Sinh khả dụng của glucosamine sulphate qua đường uống là 26%, glucosamine được chuyển hóa phần lớn lần đầu qua gan. Glucosamine được thải trừ chủ yếu qua nước tiểu, và một lượng nhỏ được thải trừ qua phân.  
Chondroitin sulphate được thải trừ phần lớn qua nước tiểu. Sinh khả dụng qua đường uống là 7-12%, nồng độ huyết tương đạt mức tối đa sau khoảng 190 phút và thời gian bán thải là 6 giờ.  
Nồng độ EPA huyết tương tăng lên tùy thuộc liều. Nồng độ DHA huyết tương có thể so sánh được ở tất cả các liều nghiên cứu. Việc tăng nhanh nồng độ huyết tương EPA và DHA được ghi nhận ở tất cả các liều. EPA được tích lũy nhiều trong quá trình hấp thu liều cao đầu cả hơn là liều thấp. Trong giai đoạn "làm sạch", có sự thay đổi nhanh lượng EPA và DHA về điểm ban đầu. Các axit béo omega-3 thông qua chế độ ăn được tích hợp trong các mô béo.

**Chỉ định**

- Giảm triệu chứng của thoái hóa khớp gối nhẹ và trung bình.

**Liều dùng:** Uống 2 viên/ lần, 2-3 lần/ngày, hoặc theo chỉ định của bác sĩ, uống trong hoặc sau bữa ăn. Thời gian dùng thuốc tùy theo từng bệnh nhân, ít nhất dùng liên tục trong 2 đến 3 tháng để đảm bảo hiệu quả điều trị.

**Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:** Thuốc dùng trong thời kỳ này cần thận trọng, trước khi uống cần hỏi ý kiến của bác sĩ.

**Tương tác với các thuốc khác, các dạng tương tác khác:** Chưa thấy có

**Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:** Chưa thấy có.

**Sử dụng quá liều:** Chưa có báo cáo.

**Chống chỉ định:** Bệnh nhân nhạy cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc. Vì thuốc được điều chế từ hải sản nên những người dị ứng với hải sản nên tham khảo ý kiến của thầy thuốc trước khi sử dụng thuốc.

**Phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, vị thành niên dưới 18 tuổi do chưa có số liệu về độ an toàn và hiệu quả điều trị.**

**Phản ứng phụ:** Chưa được ghi nhận

**Lưu ý:**

- Xin vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Đề xa tầm tay trẻ em.
- Nếu triệu chứng không cải thiện phải hỏi ý kiến bác sĩ của bạn.
- Sản phẩm có nguồn gốc từ hải sản.
- Mỗi viên nang chứa 64,6mg potassium. Những người mắc bệnh thận hoặc đang dùng thuốc tim mạch hay thuốc huyết áp nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng thuốc này.

**Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ. Thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ gặp phải khi sử dụng thuốc.**

**Dạng bào chế:** Viên nang mềm

**Đóng gói:** 4 vỉ x 15 viên/hộp

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất

**Bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25°C, để nơi khô mát, tránh ánh sáng trực tiếp, phòng chống ẩm.

**Tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn nhà sản xuất

**Số đăng ký sản phẩm Dược phẩm tại Úc:** AUST L169885

**Số đăng ký sản phẩm Dược phẩm tại Việt nam:** VN-11750-11

**Sản phẩm của:** Nutrimedical Research Group 62 O'Hea Street, Coburg, Vic 3058 Australia

**Nhà sản xuất:** CATALENT Australia Pty. Ltd 217-221 Governor Road, Braeside, Victoria 3195 AUSTRALIA

**Doanh nghiệp nhập khẩu:** Công ty TNHH Đại Bắc, Số 11 đường Công Nghiệp 4, khu công nghiệp Sài Đồng B, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam..